

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DSST

Ngày: 20/12/2024

“V/v *Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Ngọc Đài.***

***2/ Ông Nguyễn Văn Lam.***

***Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân*** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 16/9/2024 và thông báo mở phiên tòa số 15/2024/TB-TA ngày 12/12/2024, giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Thái Thị H, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1997. (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

**Bị đơn:** Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1986. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Xuân M, sinh năm 1967. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

**Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024; bản tự khai; biên bản hoà giải, biên bản đối chất tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn C trình bày:*

Bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2023 thì yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà Hạnh có con chung, có tài sản chung là công ty TNHH T chuyên kinh doanh mua bán củi, gỗ ở khu vực xã E và xã Đ, huyện K.

Vào tháng 5/2022 gia đình bà Thái Thị H có thuê bà Bùi Thị Q với mức lương 4.000.000 đồng/tháng thay mặt bà H thu mua củi về xưởng để chế biến. Công việc cụ thể: Hàng ngày bà H sẽ chuyển tiền cho bà Q để thu mua củi của người dân. Cuối tháng, bà H và bà Q quyết toán với nhau.

Quá trình làm việc, từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/6/2022, bà H đã chuyển tiền từ số tài khoản 5227205123560, mang tên Thái Thị H, mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh K đến số khoản 63110000896712 mang tên Bùi Thị Q mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam cho bà Q để thực hiện việc mua củi cho xưởng. Tổng số tiền bà H đã chuyển khoản cho bà Q là 235.000.000 đồng, tuy nhiên hàng ngày, sau khi nhận tiền từ bà H, bà Q không mua củi nhập về xưởng và cũng không kê khai quyết toán thu chi, do đó ngày 27/6/2022, bà Q và bà H tính toán với nhau, bà Hạnh đã “viết nháp” tổng số tiền giao cho bà Q, số củi nhận từ bà Q theo lời trình bày của bà Q, nhưng đối chiếu sổ sách thì không đúng với số tiền bà H đã giao và số củi bà Q đã mua nên hai bên không thống nhất, sau đó bà H sợ ý không hủy bỏ giấy tờ này đi vì nghĩ rằng “viết nháp”, không có giá trị. Bà H xác định đến nay, bà Q vẫn chưa mua củi và giao đủ số củi tương ứng số tiền 235.000.000 đồng đã nhận từ bà H. Việc bà Q khai nại đã giao đủ số củi cho ông M thì bà hoàn toàn không biết và không đồng ý.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Q hoàn trả lại số tiền này nhưng bà Q vẫn không thực hiện. Do đó bà H đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 235.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi bà Q thanh toán đầy đủ tiền cho bà H.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà H chỉ yêu cầu bà Q hoàn trả lại số tiền 235.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn bà Bùi Thị Q trình bày:*

Công nhận tháng 5/2022 vợ chồng Đặng Xuân M, bà Thái Thị H có thuê bà thu mua củi cho công ty T, thỏa thuận 4.000.000 đồng/tháng. Công việc cụ thể: Hàng ngày ông M sẽ giao tiền trực tiếp cho bà thu mua củi của người dân. Mua xong ngày nào thì bà và ông M sẽ quyết toán ngày đó. Sau 05 ngày, do bà H là người trực tiếp bán số củi thu mua được đi các tỉnh phía bắc. Do đó đến cuối tháng 5/2022, bà H là người trực tiếp chuyển tiền qua tài khoản hàng ngày cho bà để bà tiếp tục thu mua củi cho vợ chồng ông M.

Bà xác định từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/6/2022 bà H có chuyển tiền cho cho bà tổng số tiền là 235.000.000 đồng để hàng ngày bà thu mua củi, đến cuối ngày, bà giao củi cho ông M. Đến ngày 27/6/2022 bà và bà H tính toán sổ sách thì tổng số tiền bà nhận từ bà H và ông M từ ngày 27/5/2022 - 27/6/2022 là: 392.501.000 đồng, bao gồm tiền do bà H chuyển khoản và tiền ông M đưa trực tiếp, tổng số củi bà đã mua và giao cho bà H, ông M từ 27/5/2022 đến hết ngày 27/6/2022 là: 771.300 kg, tương ứng số tiền 355.482.000 đồng, cộng với số củi goòng là 31.360 kg x 300 đồng/kg, tổng số tiền bà đã chi để mua củi cho bà H và tiền công bốc củi lên xe, tiền nước uống cho công bốc là 391.277.000 đồng, hiện nay bà chỉ còn nợ bà H số tiền là 1.224.000 đồng. Đến nay thì bà H lại khởi kiện để đòi số tiền 235.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không đồng ý và chỉ đồng ý trả lại số tiền 1.224.000 đồng cho bà H.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Xuân M trình bày:*

Ông và bà Thái Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến năm 2023 thì yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông xác định vào tháng 5/2022 ông có thuê bà Bùi Thị Q thu mua củi cho gia đình ông tại khu vực nông trường E, xã Đ. Thời gian thuê: 01 tháng, tiền công là 4.000.000 đồng/tháng. Hình thức làm việc của bà Q như sau: Trong ngày, ông sẽ giao tiền mặt cho Q đi thu mua củi, cuối ngày bà Q nhập củi về tương ứng với số tiền ông đã giao. Sau 05 ngày thì vợ ông (bà H) bán số củi đi Bắc nên bà H là người chuyển khoản tiền cho bà Q để bà Q tiếp tục thu mua củi và nhập về xưởng cho ông. Số tiền ông và bà H chuyển cho bà Q thì bà Q đã mua và giao đủ cho ông. Do đó, ngày 27/6/2022 bà Q và bà H quyết toán thu chi thì tổng số tiền bà Q nhận từ vợ chồng ông từ ngày 27/5/2022 - 27/6/2022 là: 392.501.000 đồng, tổng số củi bà Q đã mua và giao từ 27/5/2022 đến hết ngày 27/6/2022 là 391.277.000 đồng, như vậy bà Q chỉ còn nợ bà H số tiền là 1.224.000 đồng. Đến nay thì bà H lại khởi kiện để yêu cầu bà Quỳnh trả lại số tiền 235.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày:*

Tháng 6/2022 bà có làm nhân viên kế toán cho công ty TNHH T của vợ chồng ông Đặng Xuân M, bà Thái Thị H. Bà xác định có biết bà Bùi Thị Q cũng là người làm công ăn lương do vợ chồng ông M thuê thu mua củi hàng ngày nhập về xưởng, số tiền hai bên giao nhận với nhau bao nhiêu thì bà không biết chính xác. Tuy nhiên, tháng 6/2022 theo yêu cầu của bà H, bà có lập sổ sách theo dõi số tiền bà H cho bà Q ứng và số củi bà Q nhập về từ ngày 27/5/2022 đến ngày 27/6/2022, chứng từ sổ sách theo dõi từ ngày 27/5/2022 - 27/6/2022 thể hiện bà Q có nhập về xưởng. Tổng số lượng đến thời điểm bà Q nghĩ là bao nhiêu thì bà không biết chính xác. Nay bà H khởi kiện đòi tiền bà Q thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ của vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự theo quy định pháp luật; xác định đầy đủ, đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng trình tự mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nội dung khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận một phần nên chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập được, xác định:

Ông Đặng Xuân M và bà Thái Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2023. Quá trình chung sống, vợ chồng ông M có tài sản chung là công ty TNHH Thái S thu mua củi tại khu vực xã Đ và xã E. Tháng 5/2022 vợ chồng ông M có thuê bà Bùi Thị Q thu mua củi nhập về xưởng. Thời gian thuê: 01 tháng, tiền công là 4.000.000 đồng/tháng. Hình thức làm việc của bà Q như sau: Trong ngày, bà Q nhận tiền và thu mua củi, cuối ngày nhập củi về xưởng tương ứng với số tiền đã nhận. Từ ngày ngày 27/5/2022 - 27/6/2022 vợ chồng ông M đã giao cho bà Q tổng số tiền là: 392.501.000 đồng, bao gồm tiền mặt nhận từ ông M và nhận chuyển khoản từ bà H. Tuy nhiên, tổng số củi bà Q đã mua và giao từ 27/5/2022 đến hết ngày 27/6/2022 là 391.277.000 đồng.

**[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy:**

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bà H và ông M chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2023, có con chung, có tài sản chung. Tháng 5/2022 bà H có thuê bà Bùi Thị Q thu mua củi cho công ty của gia đình, tiền lương là 4.000.000 đồng/ tháng. Công việc hàng ngày là sau khi nhận tiền từ bà H thì bà Q sẽ thu mua củi nhập về xưởng, cuối tháng sẽ quyết toán. Từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/6/2022 bà Thái Thị H đã giao cho bà Bùi Thị Q tổng số tiền là 235.000.000 đồng để thay bà H thu mua củi về xưởng. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 235.000.000 đồng, bà Q không thực hiện nghĩa vụ thu mua củi, không giao số lượng củi tương ứng số tiền đã nhận và cũng không kê khai quyết toán chi phí với bà H. Việc bà Q giao củi cho ông M hay không thì bà H không biết, không liên quan đến bà H. Giữa bà Q và ông M thông đồng nhau khai nài và cung cấp chứng cứ là 01 chứng từ quyết toán có thể hiện số tiền bà Q nhận và số củi bà Q đã mua không có giá trị pháp lý, bà H viết nháp theo lời khai của bà Q nhưng không đúng với số tiền bà H giao cho Q và số củi Q thu mua, nhưng do sơ suất nên bà H không hủy bỏ và ông M tự ý lấy giao nộp cho Tòa án.

**[2.3] HĐXX** xét thấy lời khai này không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ bà H và ông M là vợ chồng, có con chung, có tài sản chung và cùng nhau quản lý công ty TNHH T. Ông M xác nhận sau khi giao tiền cho bà Q thì hàng ngày ông M có nhận số củi tương ứng số tiền mà bà Q nhận từ vợ chồng ông, trong đó ông giao tiền mặt nhiều lần số tiền khoảng 160.000.000 đồng, bà H chuyển khoản nhiều lần số tiền 235.000.000 đồng nhưng bà Q đã mua đủ số lượng củi tương, hàng ngày giao trực tiếp cho ông M, được ông M xác nhận đã nhận đủ. Do đó ngày 27/6/2022, quyết toán với bà H xong thì bà Q chỉ còn nợ bà H số tiền là 1.224.000 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T là kế toán của công ty do bà H, ông M thuê cũng xác nhận có biết bà Bùi Thị Q do vợ chồng ông M thuê thu mua củi hàng ngày nhập về xưởng, tháng 6/2022 theo yêu cầu của bà Hạnh, bà có lập sổ sách theo dõi số tiền bà H cho bà Q ứng và số củi bà Q nhập về từ ngày 27/5/2022 đến ngày 27/6/2022, chứng từ sổ sách theo dõi từ ngày 27/5/2022 - 27/6/2022 xác định bà Q có mua củi và nhập về xưởng.

Như vậy có căn cứ xác định bà Q có giao số lượng củi tương ứng với số tiền mà vợ chồng ông M, bà H đã giao. Theo chứng từ hai bên quyết toán do bà Q cung cấp, hiện bà Q còn nợ bà H số tiền 1.224.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định bà Bùi Thị Q đang giữ của bà Thái Thị H số tiền 1.224.000 đồng, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H, buộc bà Bùi Thị Q phải trả cho bà Thái Thị H số tiền 1.224.000 đồng.

Bác phần yêu cầu khởi kiện số tiền 233.776.000 đồng còn lại của bà Thái Thị H.

[3] Đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án và đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên xét nguyên đơn là cận hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 166; 186; 189; 190 Bộ Luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị H. Buộc bà Bùi Thị Q phải trả cho bà Thái Thị Hạnh số tiền là 1.224.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng chẵn).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H về việc buộc bà Bùi Thị Q phải trả cho bà Thái Thị H số tiền 233.776.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho nguyên đơn vì nguyên đơn thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thu Trang**